

Số: 27/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 12 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương
bổ sung thực hiện Dự án 10 và nguồn ngân sách tỉnh đối ứng
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030,
giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc
hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày
19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện
các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I:
từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình
mục tiêu quốc gia;*

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Xét tờ trình số 2096/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương bổ sung thực hiện Dự án 10 và nguồn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 51/BC-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương bổ sung thực hiện Dự án 10 và nguồn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

1. Nguồn ngân sách trung ương bổ sung thực hiện Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 482 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Nguồn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình là 40.520 triệu đồng (từ nguồn dự phòng xố số kiến thiết giai đoạn 2021 - 2025), trong đó:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 4.624 triệu đồng.

- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 5.499 triệu đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc: 22.116 triệu đồng.

- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 5.321 triệu đồng.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 2.667 triệu đồng.

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 293 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban công tác Đại biểu - UBTVQH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ.08) Tuệ.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục I
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
BỔ SUNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 10 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THiểu SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Sở ban ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025	
		Ngân sách Trung ương	Ghi chú
TỔNG CỘNG		482	
1	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	482	
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	482	
	<i>Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh (không quá 25% tổng vốn đầu tư của tiểu dự án)</i>	121	
	<i>Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)</i>	361	
	Huyện Hàm Thuận Bắc	120	
	Huyện Hàm Thuận Nam	115	
	Huyện Tánh Linh	126	

Phụ lục II
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Sở ban ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mỗi giao kế hoạch)	Ngân sách tỉnh đối ứng (15%) kế hoạch vốn ĐTPT giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
TỔNG CỘNG		40.520	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	4.624	
	Huyện Tuy Phong	42	
	Huyện Bắc Bình	839	
	Huyện Hàm Thuận Bắc	1.922	
	Huyện Hàm Thuận Nam	81	
	Huyện Hàm Tân	87	
	Huyện Tánh Linh	1.539	
	Huyện Đức Linh	114	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	5.499	
	Huyện Hàm Thuận Bắc	1.617	
	Huyện Tánh Linh	3.882	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	22.116	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	22.116	
	Huyện Tuy Phong	5.170	
	Huyện Bắc Bình	7.393	
	Huyện Hàm Thuận Bắc	4.295	

STT	Sở ban ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Ngân sách tỉnh đối ứng (15%) kế hoạch vốn ĐTPT giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
	Huyện Hàm Thuận Nam	1.576	
	Huyện Tánh Linh	3.682	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	5.321	
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	5.321	
	<i>Phân bổ vốn cho các huyện thực hiện các công trình đến 04 trường nội trú cấp huyện</i>	5.321	
	Huyện Bắc Bình	1.907	
	Huyện Hàm Thuận Bắc	1.303	
	Huyện Hàm Thuận Nam	894	
	Huyện Tánh Linh	1.217	
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2.667	Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai chi tiết
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	293	
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	293	
	<i>Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh (không quá 25% tổng vốn đầu tư của tiểu dự án)</i>	73	
	<i>Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)</i>	220	
	Huyện Hàm Thuận Bắc	73	
	Huyện Hàm Thuận Nam	70	
	Huyện Tánh Linh	77	